| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 3624 /QĐ-UBND | *Bình Định, ngày 02 tháng 10năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 346/TTr-SNN ngày 21/9/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan cấp tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân

và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- Văn phòng điều phối NTM TW (báo cáo);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UB MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh;
- Các Hội đoàn thể tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh, CV;
- Lưu: VT, TT TH-CB, K19.

Số: 3624/QĐ-UBND
Thời gian ký: 02/10/2023 18:18:05 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH
**Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ:

a) Xét, công nhận và công bố thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới (viết tắt là NTM) trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

b) Xét, thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối tượng áp dụng: Các thôn (làng) đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới cấp thôn, giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Định (theo Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

### Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin/chuyển đổi số trong công tác xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

4. Các thôn (làng) sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiến tới xây dựng theo Bộ tiêu chí NTM cấp xã.

### Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận, thu hồi quyết định công nhận

Chủ tịch UBND cấp huyện xét, công nhận và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

**Điều 4**. Điều kiện xét, công nhận, thu hồi quyết định công nhận

1. Điều kiện xét, công nhận: Thôn (làng) đạt chuẩn NTM khi đủ các điều kiện:

- Đáp ứng đầy đủ mức độ đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) tại Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của thôn (làng) đạt từ 90% trở lên.

2. Điều kiện xét, thu hồi quyết định công nhận

Thôn (làng) đã được công nhận đạt chuẩn NTM bị thu hồi quyết định công nhận khi trên địa bàn thôn (làng):

- Có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí thôn (làng); trong đó có một trong các tiêu chí: Thu nhập, Nghèo đa chiều, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Môi trường và An toàn thực phẩm.

- Hoặc có từ 50% số tiêu chí thôn (làng) trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí NTM cấp thôn (làng) giai đoạn 2021 - 2025.

## Chương II

## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ THÔN (LÀNG) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

### Điều 5. Xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM

1. Ban Phát triển thôn (làng) tổ chức đánh giá kết quả thực hiện xây dựng NTM của thôn (làng).

2. UBND xã tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

### Điều 6. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến kết quả thực hiện xây dựng thôn (làng) đạt chuẩn NTM và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM

1. Tổ chức đánh giá và lấy ý kiến

a) Ban Phát triển thôn (làng) tổ chức triển khai xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn; báo cáo được thông báo, công bố công khai tại nhà văn hóa thôn (làng) và trên hệ thống loa truyền thanh của thôn (làng) ít nhất 05 lần trong thời hạn 15 ngày để lấy ý kiến tham gia của Nhân dân.

b) Ban Phát triển thôn (làng) bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM của thôn (làng) sau khi nhận được ý kiến tham gia của ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn (làng) và Nhân dân trên địa bàn thôn (làng).

2. Hoàn thiện hồ sơ

a) Ban Phát triển thôn (làng) tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM, yêu cầu cuộc họp phải có từ 70% trở lên đại diện hộ dân trong thôn (làng) tham dự; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp xã.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM, Ban Phát triển thôn (làng) nộp cho UBND xã để thẩm tra, gồm:

+ Văn bản đề nghị UBND xã thẩm tra các tiêu chí thôn (làng) NTM (bản chính, theo Mẫu 01 tại phần Phụ lục I kèm Quy định này).

+ Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thôn (làng) (bản chính, theo Mẫu 04 tại phần Phụ lục I kèm Quy định này).

+ Biên bản họp thôn (theo Mẫu 07 tại phần Phụ lục I kèm Quy định này).

+ Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh Kế hoạch xây dựng thôn (làng) NTM (bản sao).

+ Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn (làng) NTM (có xác nhận của trưởng thôn).

+ Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM của thôn (làng).

c) Hình thức nộp và tiếp nhận hồ sơ: Nộp và tiếp nhận tại UBND xã.

**Điều 7. Tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM**

1. Tổ chức thẩm tra:

a) UBND xã thành lập Tổ thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Ban quản lý, UBND xã, cán bộ phụ trách NTM, cán bộ phụ trách lĩnh vực liên quan đến nội dung các tiêu chí và đại diện các tổ chức chính trị- xã hội của xã; số lượng tối đa là 10 người) để tổ chức triển khai thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM của thôn (làng); xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM của thôn (làng).

b) Trường hợp thôn (làng) chưa đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM thì UBND xã trả lời bằng văn bản cho thôn (làng) và nêu rõ lý do, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND xã công bố thôn (làng) đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, công bố trên hệ thống truyền thanh và trang thông tin điện tử của xã trong thời hạn 15 ngày để lấy ý kiến nhân dân.

b) UBND xã gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM của thôn (làng) để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra đối với thôn (làng) sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và Nhân dân trên địa bàn xã.

c) Mặt trận Tổ quốc xã chủ trì, phối hợp Ban công tác Mặt trận thôn (làng) và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn (làng) tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (làng) đối với việc đề nghị công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ban quản lý xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban quản lý xã và Tổ thẩm tra tiêu chí thôn (làng) NTM) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND xã, đề nghị UBND cấp huyện thẩm định.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM, UBND xã nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện để thẩm định (01 bộ Hồ sơ) và chịu trách nhiệm thông tin, số liệu trong hồ sơ, gồm:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM (bản chính, theo mẫu 02 tại Phụ lục I ban hành kèm Quy định này).

- Biên bản họp Ban quản lý xã đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM (theo Mẫu 08 tại Phụ lục ban hành kèm quy định này).

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM (bản chính, theo Mẫu 05 tại Phụ lục I ban hành kèm quy định này).

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn xã đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng) (bản chính, theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này).

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (làng) đối với việc đề nghị công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM (bản chính).

*(Kèm theo hồ sơ của thôn (làng) được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quy định này).*

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện.

**Điều 8. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố thôn (làng) đạt chuẩn NTM**

1. Tổ chức thẩm định

a) UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng). Văn phòng Điều phối NTM huyện xây dựng báo cáo và báo cáo UBND huyện về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng) (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các phòng, ngành của huyện đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

b) Trường hợp thôn (làng) chưa đủ điều kiện để xét, công nhận đạt chuẩn NTM thì UBND huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Tổ chức xét, công nhận

a) Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định cấp huyện), gồm: đại diện lãnh đạo các phòng, ngành cấp huyện có liên quan (số lượng Hội đồng thẩm định cấp huyện tối đa là 11 người). Chủ tịch Hội đồng thẩm định là một Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

b) Hội đồng thẩm định cấp huyện tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng) (cuộc họp Hội đồng thẩm định cấp huyện chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định cấp huyện dự họp).

Văn phòng Điều phối NTM huyện hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định huyện dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

c) Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM theo đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng NTM cấp huyện.

d) Mẫu Giấy công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này).

3. Tổ chức công bố

- Chủ tịch UBND xã công bố thôn (làng) đạt chuẩn NTM và công khai trên báo, đài phát thanh, trang thông tin điện tử của xã và huyện.

- Thời hạn tổ chức công bố thôn (làng) đạt chuẩn NTM không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố thôn (làng) đạt chuẩn NTM do UBND xã chủ trì thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

## Chương III
## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THÔN (LÀNG) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

### Điều 9. Thời điểm thực hiện

1. Đối với các thôn (làng) đã được công nhận đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2021-2025 để xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 4, Chương I tại Quy định này: Việc xét, thu hồi Quyết định công nhận được thực hiện từ sau khi đủ 24 tháng kể từ thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Không thực hiện xét, thu hồi Quyết định công nhận đối với các thôn (làng) được quy định tại khoản 1 Điều này khi trong năm hoặc năm trước liền kề với năm xét, thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) bị thiệt hại nặng nề do thiên tai hoặc do dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, hoặc ở thôn (làng) thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh. Thời điểm xét, thu hồi quyết định công nhận chỉ được tiếp tục thực hiện sau khi thôn (làng) đã khắc

phục xong hậu quả thiên tai, dịch bệnh và được chính quyền địa phương xác nhận.

**Điều 10. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM**

1. Tổ chức đánh giá, đề nghị xét, thu hồi Quyết định công nhận:

a) Tổ chức đánh giá và lấy ý kiến

UBND xã tổ chức triển khai xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, đối với từng thôn (làng); gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của huyện trong thời hạn 15 ngày để lấy ý kiến rộng rãi đến Nhân dân.

UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, đối với từng thôn (làng) sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã và Nhân dân trên địa bàn xã.

b) Hoàn thiện hồ sơ

- UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban quản lý xã) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng); hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đối với thôn (làng) không đạt chuẩn NTM, UBND xã nộp cho UBND huyện thông qua phần mềm điện tử hoặc nộp trực tiếp để thẩm định, gồm:

+ Báo cáo của UBND xã về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng) (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

+ Biên bản cuộc họp của UBND xã về việc đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM (bản chính, theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

+ Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn xã đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng) (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

c) Hình thức nộp và tiếp nhận hồ sơ: Nộp và tiếp nhận hồ sơ thông qua phần mềm điện tử của UBND huyện hoặc nộp trực tiếp cho UBND huyện.

d) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện.

2. Tổ chức thẩm định, xét, thu hồi quyết định công nhận:

a) Tổ chức thẩm định

- UBND cấp huyện tổ chức triển khai thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn NTM đối với thôn (làng) trên địa bàn. Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện xây dựng báo cáo, báo cáo UBND cấp huyện về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn NTM của thôn (làng) để đề nghị xét thu hồi

quyết định công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các phòng, ngành của huyện đánh giá, xác nhận mức độ không đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

- Trường hợp thôn (làng) chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM thì UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Tổ chức xét, thu hồi quyết định công nhận: Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM trên địa bàn theo đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của huyện.

## Chương IV
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh) chủ trì:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM; chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo, UBND tỉnh kết quả thực hiện xây dựng thôn (làng) NTM trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Ban chỉ đạo, UBND các huyện liên quan và các xã chỉ đạo, hướng dẫn thôn (làng) thực hiện tiêu chí NTM và trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM đảm bảo theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh, Ban chỉ đạo, UBND các huyện liên quan:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn để các địa phương hoàn thành các tiêu chí thôn (làng) NTM theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025.

b) Lồng ghép các Chương trình MTQG, dự án khác trên địa bàn nông thôn để hỗ trợ các địa phương xây dựng hoàn thành các nội dung, tiêu chí thôn (làng) NTM theo Kế hoạch.

3. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo, UBND cấp huyện, Văn phòng Điều phối xây dựng NTM cấp huyện:

- Ban chỉ đạo cấp huyện chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn; tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức triển khai thực hiện xây dựng thôn (làng) NTM; phân công nhiệm vụ cho các ban, ngành thành viên phụ trách các thôn (làng) trên địa bàn huyện; chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng thôn (làng) NTM.

- UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách thôn (làng) kế hoạch thực hiện đạt chuẩn NTM theo lộ trình; phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban chuyên môn (phụ trách tiêu chí NTM) có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng NTM cấp huyện hướng dẫn UBND các xã tổ chức thực hiện và tham gia thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM đảm bảo theo quy định.

- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM cấp huyện: Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch đăng ký thôn (làng) thực hiện đạt chuẩn NTM hàng năm làm cơ sở để xã, thôn triển khai thực hiện; phối hợp với các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện, tham mưu cho Ban chỉ đạo, UBND huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả việc xây dựng thôn (làng) NTM trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các phòng, ban có liên quan hoàn thiện thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định thôn (làng) đạt chuẩn NTM, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

- Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận và thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

4. Trách nhiệm của BQL, UBND xã: Đăng ký danh sách thôn (làng) phấn đấu đạt chuẩn NTM với Ban chỉ đạo, UBND cấp huyện; huy động các nguồn lực hỗ trợ thôn (làng) xây dựng NTM; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện và thẩm tra mức độ đạt chuẩn, không đạt chuẩn các tiêu chí NTM ở các thôn (làng) trên địa bàn. Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình UBND cấp huyện thẩm định, xét công nhận và thu hồi Quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM, đảm bảo theo quy định.

5. Trách nhiệm của Ban phát triển thôn (làng): Tổ chức họp dân để thống nhất đăng ký xây dựng thôn (làng) đạt chuẩn NTM với UBND xã; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí NTM; báo cáo kết quả thực hiện với Ban quản lý, UBND xã; tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM.

6. Ban công tác mặt trận thôn: Tổ chức lấy ý kiến thống nhất của người dân đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các địa phương có ý kiến gửi về Văn phòng điều phối xây dựng NTM tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC I**
**CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN THÔN (LÀNG) ĐẠT CHUẨN NTM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2021-2025**
*(Kèm theo Quy định tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Đề nghị thẩm tra các tiêu chí thôn (làng) NTM |
| Mẫu số 02 | Tờ trình thẩm định, xét, công nhận thôn (làng) … đạt chuẩn NTM năm … |
| Mẫu số 03 | Tờ trình đề nghị công nhận thôn (làng) … đạt chuẩn nông thôn mới năm … |
| Mẫu số 04 | Báo cáo kết quả xây dựng NTM năm … của thôn (làng) … |
| Biểu tổng hợp | Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới thôn (làng) ..., xã ..., huyện ... |
| Mẫu số 05 | Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí NTM của thôn (làng) |
| Biểu tổng hợp | Kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới thôn (làng) …., xã .., huyện … |
| Mẫu số 06 | Thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của thôn (làng) …… |
| Biểu tổng hợp | Kết quả thẩm định các tiêu chí nông thôn mới thôn (làng) .., xã .., huyện …. |
| Mẫu số 07 | Biên bản hội nghị dân cư thôn |
| Mẫu số 08 | Biên bản họp đề nghị xét, công nhận thôn (làng) .. đạt chuẩn NTM năm … |
| Mẫu số 09 | Báo cáo Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (làng) NTM năm ……. đối với thôn (làng)…., xã…….. |
| Mẫu số 10 | Mẫu giấy công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới |

*Mẫu số 01 - Đề nghị thẩm tra các tiêu chí thôn (làng) NTM*

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ ……<br>**THÔN.....**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| V/v đề nghị thẩm tra các tiêu chí thôn (làng) NTM | *……., ngày …. tháng ….. năm 202...* |

Kính gửi: UBND xã.....

Căn cứ Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày …./…./2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ... của UBND xã ... về phê duyệt Đề án (Phương án) xây dựng NTM thôn (làng) ……và Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM ngày ... của thôn (làng)...

Căn cứ kết quả tự đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn (làng)...

Căn cứ Biên bản họp thôn (làng)... ngày …../ ……/202… và kết quả lấy phiếu xét đánh giá sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (làng) đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM/ năm ...

Ban Phát triển thôn (làng) …… đề nghị UBND xã ……tổ chức thẩm tra kết quả xây dựng NTM/ trên địa bàn thôn (làng)... để làm căn cứ thực hiện hồ sơ đề nghị UBND huyện .....xét, công nhận thôn (làng)..…đạt chuẩn NTM/ năm ……

Hồ sơ gửi kèm văn bản, gồm:

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thôn (làng).

- Biên bản họp thôn (làng).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của Ban công tác mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội thôn (làng) và Nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn NTM.

- Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh phương án (đề án) xây dựng thôn NTM.

- Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn NTM.
- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM/ của thôn (làng).

Kính đề nghị UBND xã ……. xem xét, thẩm tra./.

*Nơi nhận:*
**- Như trên;**
**- ……;**
**- …..;**

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN
***(Ký tên, ghi rõ họ tên)***

***Mẫu số 02 – Tờ trình đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn (làng) … đạt chuẩn NTM năm …***

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ …….**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số: ……../TTr-UBND | *……, ngày …. tháng ….. năm 202...* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn …… đạt chuẩn nông thôn mới năm ……**

Kính gửi: UBND huyện .....

Căn cứ Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày …./…./2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ báo cáo thẩm tra các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn .... của Tổ thẩm tra xã;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ……./ ……./20.... của BCĐ xã …..về việc đề nghị xét, công nhận thôn …. đạt chuẩn NTM;

Xét đề nghị của Ban Phát triển thôn ….về việc đề nghị xét, công nhận thôn … đạt chuẩn NTM năm ….

UBND xã …….. kính trình UBND huyện..…… thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm ……

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Tờ trình của UBND xã về việc đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

- Biên bản họp Ban quản lý xã đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM.

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn xã đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (làng) NTM.

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (làng) đối với việc đề nghị công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM của thôn.....

Kính đề nghị UBND huyện .... xem xét, thẩm định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ……;
- Lưu: VT, ……

**TM. UBND XÃ ……..**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Mẫu số 03 – Tờ trình đề nghị công nhận thôn (làng) … đạt chuẩn nông thôn mới năm …***

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN……..<br>**VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM**<br>**-------**<br>Số: ……../TTr-VPĐP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>*....., ngày .... tháng ..... năm 20….* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị công nhận thôn (làng) …… đạt chuẩn nông thôn mới năm ……**

Kính gửi: Chủ tịch UBND huyện .....

Căn cứ Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày …./…./2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Xét đề nghị của UBND xã …tại Tờ trình số …/TTr-UBND ngày …về việc thẩm định, xét, công nhận thôn (làng) …đạt chuẩn NTM năm …,

Văn phòng Điều phối NTM huyện kính trình Chủ tịch UBND huyện …… xem xét, công nhận thôn …. đạt chuẩn NTM năm ……

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí NTM của thôn (làng).....

- Biên bản họp xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM của Hội đồng thẩm định huyện.....

- Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM của UBND xã.....

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện .... xem xét, quyết định …. thôn … đạt chuẩn NTM năm …/.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ……;
- …..;
- Lưu: VT, …….

*Mẫu số 04 - Báo cáo kết quả xây dựng NTM năm … của thôn (làng) …*

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ ……<br>**THÔN (LÀNG).....**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |

*……, ngày …. tháng ….. năm 20….*

**BÁO CÁO**

**Kết quả xây dựng nông thôn mới năm ……của thôn (làng)……**

**I. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

**II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

**III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM**

**1. Về công tác tổ chức, triển khai**

**2. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn**

**3. Về Phát triển kinh tế - xã hội**

a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.

c) Nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

**4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM**

Tổng kinh phí đã thực hiện: ……. triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ: ……triệu đồng, chiếm …….%;

- Nhân dân đóng góp ……. triệu đồng, chiếm %.

**IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM**

Tổng số tiêu chí thôn (làng) tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn NTM theo quy định là …../ ……. (tổng số) tiêu chí, đạt ……. %, cụ thể

**1. Tiêu chí số ……. về …….**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:……..

- Các nội dung đã thực hiện:…….. ..

- Khối lượng thực hiện: ……

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …… (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2. Tiêu chí số …….. về ……..**

a) Yêu cầu của tiêu chí: …….

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:……..

- Các nội dung đã thực hiện:…….

- Khối lượng thực hiện: ……

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): …… triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …….. (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**n. Tiêu chí số …… về ……**

**V. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

**VI. Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn**

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

**VII. Kiến nghị, đề xuất**

**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN (LÀNG)**
**TRƯỞNG BAN**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ……;
- …….

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THÔN (LÀNG) ……., XÃ ….., HUYỆN …..

*(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm ….. thôn …..)*

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả thực hiện đến … | Kết quả tự đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giao thông | 1.1. Tỷ lệ đường thôn (làng) và đường liên thôn (làng) ít nhất được bê tông hóa hoặc cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | | ≥80% | | |
| | | 1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện | | 100% (trong đó, 70% được cứng hóa) | | |
| 2 | Thủy lợi | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | | Đạt | | |
| 3 | Điện | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | | ≥ 95% | | |
| 4 | Cơ sở vật chất văn hoá | Thôn (làng) có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | | Đạt | | |
| 5 | Thông tin và Truyền thông | Có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt | | Đạt | | |
| 6 | Nhà ở dân cư | 6.1. Nhà tạm, dột nát | | Không | | |
| | | 6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | | ≥70% | | |
| 7 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) | Năm 2023 | ≥42 | | |
| | | | Năm 2024 | ≥45 | | |
| | | | Năm 2025 | ≥48 | | |
| 8 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 | | ≤13% | | |
| 9 | Lao động | Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥40% | | |
| 10 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 10.1. Có mô hình tổ hợp tác đang hoạt động hiệu quả hoặc trên 30% thành viên của Hợp tác xã trên địa bàn xã (nếu có) là người dân trên địa bàn thôn (làng) | | Đạt | | |
| | | 10.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương được thực hiện hiệu quả | | Đạt | | |
| 11 | Giáo dục và Đào tạo | 11.1.Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | | ≥98% | | |
| | | 11.2.Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và tiếp tục học lớp 6 | | ≥98% | | |
| | | 11.3. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) | | ≥70% | | |
| 12 | Y tế | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥90% | | |
| 13 | Văn hoá | Thôn (làng) đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định | | Đạt | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả thực hiện đến … | Kết quả tự đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | ≥20% (trong đó, ≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung) | | |
| | | 14.2. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | | |
| | | 14.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥ 70% | | |
| | | 14.4. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | | |
| | | 14.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | ≥50% | | |
| | | 14.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥60% | | |
| | | 14.7. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu có) tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | | |
| | | 14.8. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn | ≥ 30% | | |
| 15 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; An ninh, trật tự xã hội | 15.1. Ban phát triển thôn (làng) do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng thống nhất và được UBND cấp xã công nhận | Đạt | | |
| | | 15.2. Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới | Đạt | | |
| | | 15.3. Có hương ước, quy ước được đại đa số (95% trở lên) người dân trong thôn (làng) thông qua và cam kết thực hiện | Đạt | | |
| | | 15.4. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…); có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | | |

*Mẫu số 05 - Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí NTM của thôn (làng)*

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ .....<br>**TỔ THẨM TRA TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br><br>*……, ngày ….. tháng ….. năm ……..* |

**BÁO CÁO**

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí NTM của thôn (làng) ……**

Căn cứ Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày …./…./2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn ….về việc đề nghị xét, công nhận thôn … đạt chuẩn NTM năm….

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí NTM trên địa bàn thôn ……

Tổ thẩm tra tiêu chí thôn đạt chuẩn NTM xã ……báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí NTM cho thôn …… cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày ……/ ……/……. đến ngày …../ …../……).

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí NTM/**

2.1. Tiêu chí số …… về ……..

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: ……..
- Các nội dung đã thực hiện: ……..

- Khối lượng thực hiện: …….

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): …… triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …….. (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số …… về ……..

a) Yêu cầu của tiêu chí: …….

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: …….

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: ……

- Các nội dung đã thực hiện: ……

- Khối lượng thực hiện: …….

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số …… về ……

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí NTM**

- Tổng số tiêu chí NTM của thôn …… đã được UBND xã …… thẩm tra đạt chuẩn NTM tính đến thời điểm thẩm tra là: ……/… .tiêu chí, đạt ……%.

- ……..

*(Kèm theo biểu kết quả thẩm tra các tiêu chí NTM của thôn ....)*

**III. KIẾN NGHỊ**

***Nơi nhận:***
- .....;
- .....

**TM. TỔ THẨM TRA**
**TỔ TRƯỞNG**
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THÔN (LÀNG) ……., XÃ ….., HUYỆN …..

*(Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra xây dựng NTM năm ….. thôn …..)*

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả báo cáo của thôn | Kết quả thẩm tra của xã |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giao thông | 1.1. Tỷ lệ đường thôn (làng) và đường liên thôn (làng) ít nhất được bê tông hóa hoặc cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | | ≥80% | | |
| | | 1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện | | 100% (trong đó, 70% được cứng hóa) | | |
| 2 | Thủy lợi | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | | Đạt | | |
| 3 | Điện | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | | ≥ 95% | | |
| 4 | Cơ sở vật chất văn hoá | Thôn (làng) có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | | Đạt | | |
| 5 | Thông tin và Truyền thông | Có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt | | Đạt | | |
| 6 | Nhà ở dân cư | 6.1. Nhà tạm, dột nát | | Không | | |
| | | 6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | | ≥70% | | |
| 7 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) | Năm 2023 | ≥42 | | |
| | | | Năm 2024 | ≥45 | | |
| | | | Năm 2025 | ≥48 | | |
| 8 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 | | ≤13% | | |
| 9 | Lao động | Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥40% | | |
| 10 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 10.1. Có mô hình tổ hợp tác đang hoạt động hiệu quả hoặc trên 30% thành viên của Hợp tác xã trên địa bàn xã (nếu có) là người dân trên địa bàn thôn (làng) | | Đạt | | |
| | | 10.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương được thực hiện hiệu quả | | Đạt | | |
| 11 | Giáo dục và Đào tạo | 11.1.Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | | ≥98% | | |
| | | 11.2.Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và tiếp tục học lớp 6 | | ≥98% | | |
| | | 11.3. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) | | ≥70% | | |
| 12 | Y tế | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥90% | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả báo cáo của thôn | Kết quả thẩm tra của xã |
|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Văn hoá | Thôn (làng) đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định | Đạt | | |
| 14 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | ≥20% (trong đó, ≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung) | | |
| | | 14.2. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | | |
| | | 14.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥ 70% | | |
| | | 14.4. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | | |
| | | 14.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | ≥50% | | |
| | | 14.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥60% | | |
| | | 14.7. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu có) tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | | |
| | | 14.8. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn | ≥ 30% | | |
| 15 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; An ninh, trật tự xã hội | 15.1. Ban phát triển thôn (làng) do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng thống nhất và được UBND cấp xã công nhận | Đạt | | |
| | | 15.2. Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới | Đạt | | |
| | | 15.3. Có hương ước, quy ước được đại đa số (95% trở lên) người dân trong thôn (làng) thông qua và cam kết thực hiện | Đạt | | |
| | | 15.4. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…); có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | | |

***Mẫu số 06 - Thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của thôn (làng) ……***

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN……..<br>**VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM**<br>**-------**<br>Số: ..../BC-VPĐP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>*……., ngày …. tháng ….. năm 20….* |

**BÁO CÁO**
**Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của thôn (làng) ……**

Căn cứ Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày …./…./2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ đề nghị của UBND xã ….tại Tờ trình số …/TTr-UBND ngày …về việc thẩm định, xét, công nhận thôn … đạt chuẩn NTM năm …,

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí NTM trên địa bàn thôn ….. của các phòng, ban phụ trách tiêu chí NTM. Văn phòng Điều phối NTM huyện báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí NTM cho thôn (làng) …… cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

Thời gian thẩm định (từ ngày ……/ ……/……. đến ngày …../ …../……).

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM**

2.1. Tiêu chí số …… về ……..

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: ……..
- Các nội dung đã thực hiện: ……..
- Khối lượng thực hiện: …….

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): …… triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …….. (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số …… về ……..

a) Yêu cầu của tiêu chí: …….

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: …….

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: ……

- Các nội dung đã thực hiện: ……

- Khối lượng thực hiện: …….

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số …… về ……

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM**

- Tổng số tiêu chí NTM của thôn …… đã được UBND huyện ……thẩm định đạt chuẩn NTM tính đến thời điểm thẩm định là: ……/…. tiêu chí, đạt ……%.

- ……..

*(Kèm theo biểu kết quả thẩm định các tiêu chí NTM của thôn ....).*

**III. KIẾN NGHỊ**

**CHÁNH VĂN PHÒNG**
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Nơi nhận:***
- .....;
- .....

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA THÔN (LÀNG)…., XÃ …. HUYỆN …..

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC- VPĐP ngày / /20…. của Văn phòng Điều phối NTM huyện về công nhận thôn đạt chuẩn NTM)*

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả đánh giá của thôn | Kết quả thẩm tra của xã | Kết quả thẩm định của huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giao thông | 1.1. Tỷ lệ đường thôn (làng) và đường liên thôn (làng) ít nhất được bê tông hóa hoặc cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | | ≥80% | | | |
| | | 1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện | | 100% (trong đó, 70% được cứng hóa) | | | |
| 2 | Thủy lợi | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | | Đạt | | | |
| 3 | Điện | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | | ≥ 95% | | | |
| 4 | Cơ sở vật chất văn hoá | Thôn (làng) có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | | Đạt | | | |
| 5 | Thông tin và Truyền thông | Có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt | | Đạt | | | |
| 6 | Nhà ở dân cư | 6.1. Nhà tạm, dột nát | | Không | | | |
| | | 6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | | ≥70% | | | |
| 7 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) | Năm 2023 | ≥42 | | | |
| | | | Năm 2024 | ≥45 | | | |
| | | | Năm 2025 | ≥48 | | | |
| 8 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 | | ≤13% | | | |
| 9 | Lao động | Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥40% | | | |
| 10 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 10.1. Có mô hình tổ hợp tác đang hoạt động hiệu quả hoặc trên 30% thành viên của Hợp tác xã trên địa bàn xã (nếu có) là người dân trên địa bàn thôn (làng) | | Đạt | | | |
| | | 10.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương được thực hiện hiệu quả | | Đạt | | | |
| 11 | Giáo dục và Đào tạo | 11.1.Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | | ≥98% | | | |
| | | 11.2.Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và tiếp tục học lớp 6 | | ≥98% | | | |
| | | 11.3. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục | | ≥70% | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả đánh giá của thôn | Kết quả thẩm tra của xã | Kết quả thẩm định của huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | thường xuyên, trung cấp) | | | | |
| 12 | Y tế | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥90% | | | |
| 13 | Văn hoá | Thôn (làng) đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định | Đạt | | | |
| 14 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | ≥20% (trong đó, ≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung) | | | |
| | | 14.2. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | | | |
| | | 14.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥ 70% | | | |
| | | 14.4. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | | | |
| | | 14.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | ≥50% | | | |
| | | 14.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥60% | | | |
| | | 14.7. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu có) tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | | | |
| | | 14.8. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn | ≥ 30% | | | |
| 15 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; An ninh, trật tự xã hội | 15.1. Ban phát triển thôn (làng) do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng thống nhất và được UBND cấp xã công nhận | Đạt | | | |
| | | 15.2. Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới | Đạt | | | |
| | | 15.3. Có hương ước, quy ước được đại đa số (95% trở lên) người dân trong thôn (làng) thông qua và cam kết thực hiện | Đạt | | | |
| | | 15.4. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…); có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt | Đạt | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu cụ thể | Kết quả đánh giá của thôn | Kết quả thẩm tra của xã | Kết quả thẩm định của huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | động thường xuyên, hiệu quả | | | | |

***Mẫu số 07 - Biên bản hội nghị dân cư thôn***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**----------**

*(Tên thôn (làng)), ngày ... tháng ... năm 202…*

**BIÊN BẢN**
**HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN**

Hôm nay, ngày …tháng … năm …tại thôn (làng) …xã …Ban công tác mặt trận thôn tổ chức hội nghị dân cư để lấy ý kiến thống nhất về việc đề nghị xét, công nhận thôn (làng)... đạt chuẩn NTM năm..

- Chủ trì Hội nghị: *(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn ghi rõ họ, tên, chức danh):*…….

- Thư ký Hội nghị: *(ghi rõ họ, tên, chức danh)*

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: *(Đại diện các hộ gia đình trong thôn)*.

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn: ….. hộ

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị:... hộ, chiếm. ..% số hộ trong thôn.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà*)……..(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn)* …. thông qua Báo cáo kết quả xây dựng NTM thôn ……

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng NTM của đại diện các hộ gia đình trong thôn:

+ ……

3. Ban công tác mặt trận thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn … đạt chuẩn NTM năm ….. *(bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy phiếu, nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu)*.

***Kết quả lấy ý kiến:***

+ Ý kiến thống nhất: ….. người *(phiếu)*, chiếm …..%.

+ Ý kiến không thống nhất: …..người *(phiếu)*, chiếm ….%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: *(mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất)*.

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi…….giờ……phút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (làng) … đạt chuẩn NTM năm ….

| **Thư ký** | **Chủ trì** |
| --- | --- |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(ký, ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 08 - Biên bản họp đề nghị xét, công nhận thôn (làng) .. đạt chuẩn NTM năm …*

| | |
|---|---|
| **BQL CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÃ……** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **-------** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | **----------** |
| | *……., ngày …. tháng …… năm ……* |

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét, công nhận thôn (làng)…… đạt chuẩn NTM năm ……**

Căn cứ Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày …./…./2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (làng) NTM/ trên địa bàn thôn .... của Tổ thẩm tra tiêu chí thôn NTM;

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn (làng) …. Về việc đề nghị thẩm tra các tiêu chí NTM trên địa bàn.

Hôm nay, vào hồi …….. giờ …….. phút ngày …../ …../ …… tại ……., UBND xã …… (huyện …….., tỉnh ……..) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): …….. - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì;

- Ông (bà): ……- Chức vụ, đơn vị công tác;

- ……..

- Ông (bà): ……- Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. Tổ thẩm tra tiêu chí thôn NTM xã... báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn ....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí NTM/ trên địa bàn thôn....

- ……

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn …….. đạt chuẩn NTM/ năm ……. là ……/tổng số …….. thành viên tham dự cuộc họp, đạt ……..%.

Biên bản kết thúc hồi …… giờ …….. phút ngày …../ ……/ ……, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ……%.

Biên bản này được lập thành …… bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ……. bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM gửi UBND huyện …… bản./.

| **THƯ KÝ CUỘC HỌP** | **CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** |
| --- | --- |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 09 – Báo cáo Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (làng) NTM năm ……. đối với thôn (làng)…., xã……..*

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ……..**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**---------** |
| Số: ……/BC-UBND | *……, ngày …… tháng …… năm 20……* |

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (làng) NTM năm ……. đối với thôn (làng)…., xã……..**

**I. Tóm tắt quá trình xã tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- ……..

- ……..

**II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn NTM năm……. đối với thôn (làng)…….**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến: ……..

- Ý kiến tham gia: ……..

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): ……

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã (tên đơn vị, tổ chức: …….)

- Hình thức tham gia ý kiến: ……

- Ý kiến tham gia: ……

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): ……..

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia: ……

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): ……..

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã**

- …….

**TM. UBND XÃ……**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Nơi nhận:***
- ……;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, ……

*Mẫu số 10 - Mẫu giấy công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới*

**(Quốc huy)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**----------**

**CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN…….**

**CÔNG NHẬN**

**THÔN (LÀNG)....., XÃ….., HUYỆN…..**

***Đạt chuẩn nông thôn mới năm 20….***

***Quyết định số:……/QĐ-UBND*** ***……, ngày… tháng… năm…***
***Ngày…../…/…*** **CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC II**
**CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THÔN (LÀNG) ĐẠT CHUẨN NTM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Kèm theo Quy định tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm … của thôn (làng) …. |
| Biểu tổng hợp | Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí thôn (làng) NTM năm ……. của thôn (làng)……. |
| Mẫu số 02 | Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm …..… của thôn (làng)…… |
| Mẫu số 03 | Biên bản Họp đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn …… |
| Mẫu số 04 | Tổng hợp danh sách các thôn (làng) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM |

***Mẫu số 01 – Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm … của thôn (làng) ….***

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ……**<br>**-------**<br>Số: ……/BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>*……, ngày …… tháng …… năm 20……* |

# BÁO CÁO
## Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm … của thôn (làng) ….

**I. Khái quát đặc điểm tình hình**

**1.** Thôn (làng) …… đã được công nhận đạt chuẩn NTM năm….. *(nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM)*.

**2.** Thôn……*(nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (làng) NTM)*.

**II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương, tỉnh, huyện.

**III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí thôn (làng) nông thôn mới**

**1. Về chỉ đạo, điều hành**

**2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn**

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

**3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân**

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

**4. Về huy động nguồn lực** *(từ khi thôn (làng) được công nhận đạt chuẩn NTM đến thời điểm đánh giá)*

Tổng kinh phí đã thực hiện: ……. triệu đồng, trong đó:…….. *(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn)*.

**IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí thôn (làng) nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí NTM của thôn (làng)…… đã được UBND xã…… đánh giá không đạt chuẩn tính đến thời điểm đánh giá *(tháng…./20…)* là:…../…..tiêu chí, chiếm……%, cụ thể *(cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí)*:

1. Tiêu chí số …….. về …….

a) Yêu cầu của tiêu chí: ……..

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: …….

- Khối lượng đã thực hiện: ……

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí…… *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

n. Tiêu chí số ……. về ……..

a) Yêu cầu của tiêu chí: ……..

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: …….

- Khối lượng đã thực hiện: ……

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí…… *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

**V. Kết luận** *(cần khẳng định rõ thôn (làng) đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)*

- ……

- ……

**VI. Kiến nghị**

- ……

- ……

**TM. UBND XÃ ……**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, ……

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (LÀNG) NTM NĂM ……. CỦA THÔN (LÀNG)…….**

*(Kèm theo Báo cáo số:……/BC-UBND ngày……/……/20… của UBND xã……)*

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | **Tiêu chuẩn đạt chuẩn** *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)* | Kết quả đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | 1.1. ……. | | |
| | | 1.2. ……. | | |
| | | … | | |
| 2 | | 2.1. ……. | | |
| | | 2.2. ……. | | |
| | | … | | |
| … | | … | | |

*Mẫu số 02 - Báo cáo Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm …..… của thôn (làng)……*

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ……..**<br>**-------**<br>Số: ……/BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>*……, ngày …… tháng …… năm 20……* |

**BÁO CÁO**
**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm …..… của thôn (làng)……**

**I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- ……..

- ……..

**II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM năm……. của thôn (làng)……**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến: ……..

- Ý kiến tham gia: ……

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): ……

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã (tên đơn vị, tổ chức: …….)

- Hình thức tham gia ý kiến: ……

- Ý kiến tham gia: …….

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): …….

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia: ……

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): …….

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã**

- …….

**TM. UBND XÃ……**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Nơi nhận:***
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, ……

***Mẫu số 03 - Biên bản Họp đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng) ……***

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ .....**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |

*……., ngày .... tháng .... năm .....*

**BIÊN BẢN**
**Họp đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng) …**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã);

Căn cứ Báo cáo số……. ngày……/……/…… của UBND xã…… về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm……. đối với thôn …….....

Căn cứ Báo cáo số……. ngày…../…../…… của UBND xã..… về đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm……. đối với thôn (làng)……

Hôm nay, vào hồi…… giờ….. phút ngày……/…../……. tại……., UBND xã …… tổ chức họp xét, đề nghị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng)……, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): …… - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp.

- Ông (bà): ……. - Chức vụ, đơn vị công tác.

- …….

- Ông (bà): …….. - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. UBND xã trình bày Báo cáo: Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm……. đối với thôn……; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm…… đối với thôn (làng)…….....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp xét, đề nghị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng)….., cụ thể như sau:

- ……..

- ……..

3. Kết quả bỏ phiếu:

- Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng)…… là……/tổng số…….. thành viên tham dự cuộc họp, bằng…….%.

- Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị không thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng)…… là……/tổng số…….. thành viên tham dự cuộc họp, bằng…….%.

Biên bản kết thúc hồi……. giờ…… phút ngày……../……/……, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí.....%.

Biên bản này được lập thành……. bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã ….. lưu…… bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn (làng)…., gửi UBND huyện….. bản./.

| **THƯ KÝ CUỘC HỌP** | **CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** |
|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 04 - Tổng hợp danh sách các thôn (làng) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM*

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**…….**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |

*……, ngày…… tháng…… năm 20……*

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC THÔN (LÀNG) BỊ THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NTM**
**(thuộc xã……, huyện/thị xã/thành phố……..)**

| TT | Tên thôn (làng) bị thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn NTM | Năm đã được công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM | Quyết định thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn NTM | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định thu hồi | Cấp ban hành Quyết định thu hồi | Trích yếu nội dung Quyết định thu hồi | |
| 1 | Thôn (làng) …… | | | | | |
| 2 | Thôn (làng) …… | | | | | |
| … | Thôn (làng) …… | | | | | |
| | **Tổng số:** .... thôn (làng) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM / tổng số…. thôn (làng) đã được công nhận đạt chuẩn NTM thuộc xã, chiếm ….% | | | | | |

| | |
|---|---|
| **NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên)* | **TM. UBND……**<br>**CHỦ TỊCH**<br>*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |